

án số: 01/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 07-01-2022

“V/v: ly hôn, tranh chấp con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hảo.
2. Bà Đinh Thanh Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn – thư ký tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Tạ Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố M, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021 “Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2021/HPT-HNGĐ ngày 29/12/2021. Giữa:

Nguyên đơn: Chị Đàm Thị A, sinh năm 1997.

Nơi ĐKKHKT: Thôn 2, xã N, TP M, tỉnh Quảng Ninh.

Địa chỉ: Tổ 7, khu 7, phường L, TP M, tỉnh Quảng Ninh

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn 2, xã N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh

Đều có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đàm Thị A trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn B đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố M năm 2015 trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến thời gian gần đây (khoảng tháng 8/2021) vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B đi uống rượu về, vợ chồng xô sát anh B đuổi chị về nhà mẹ đẻ và cũng từ đó chị và anh B sống ly thân nhau, không quan tâm đến nhau nữa, trước đó cũng đã có lần vợ chồng xô sát anh B cũng đã đuổi chị về nhà ngoại ở nhưng vì thương con nhỏ nên chị lại quay về ở, tuy nhiên cuộc sống vợ chồng vẫn không hòa thuận. Nay chị thấy mâu thuẫn gia đình khó có thể hàn gắn được, tình cảm không còn chị đề nghị được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị và anh B sinh được 02 con chung là Nguyễn Công H, sinh ngày 28/9/2016 và Nguyễn Như Q, sinh ngày 17/8/2018, hiện đang ở với anh B. Chị đề nghị được nuôi con chung là cháu Nguyễn Như Q đến tuổi thành niên. Không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung và khoản nợ chung: Không có

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm các giấy tờ liên quan đến nhân thân của các đương sự, xác nhận của địa phương về tình trạng hôn nhân và chứng cứ chứng minh về việc làm và thu nhập của nguyên đơn

Quan điểm của anh B trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa thể hiện:

Về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn như chị A trình bày là đúng, cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn diễn ra bình thường không có mâu thuẫn gì lớn, ngoài lần gần đây anh có đi uống rượu với bạn sau đó anh có quay về đón chị A nhưng chị A đã giận dỗi và bỏ về nhà ngoại đến nay không quan tâm đến anh nữa, trước đó cũng xảy ra một vài lần như thế, cứ hễ vợ chồng mâu thuẫn gia đình bên ngoại chị A lại đến nhà anh và đề nghị ly hôn. Nay chị A vẫn cương quyết ly hôn anh cũng đồng ý nhưng với điều kiện anh phải được nuôi 02 con chung.

Về con chung: Anh xác nhận anh và chị A có 02 con chung như chị A trình bày là đúng, anh đề nghị được nuôi 02 con chung đến tuổi thành niên không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và khoản nợ chung không có.

Bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì.

Tại đơn xác nhận do nguyên đơn cung cấp ngày 09/12/2021 đại diện chính quyền địa phương xác nhận hiện tại vợ chồng chị A và anh B không còn sống chung với nhau nữa, chị A đã về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 10/2021 cho đến nay.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật, bị đơn tuân thủ chưa nghiêm nên phải hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị A được ly hôn anh B. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q và giao cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu H.

Về cấp dưỡng nuôi con chung đương sự không có yêu cầu nên không xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Đàm Thị A và anh Nguyễn Văn B là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị A có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn và yêu cầu nuôi con chung thuộc trường hợp tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố M, nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố M theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về tình cảm: Cuộc hôn nhân của chị A và anh B được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và đăng ký theo quy định của pháp luật, như vậy cuộc hôn nhân của

chị A và anh B là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống chị A và anh B đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn gia đình nhưng cả hai không tìm được tiếng nói chung sau mỗi lần mâu thuẫn xảy ra, gia đình hai bên không khuyên, bảo vợ chồng và dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân nhau không còn quan tâm đến nhau nữa. Hiện tại cả anh B và chị A đều thống nhất mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không thể hàn gắn được, vợ chồng không còn quan tâm nhau nữa. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cuộc hôn nhân giữa chị A và anh B mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh B

[2.2] Về con chung: Như lời khai của các đương sự và các tài liệu do chị A cung cấp thể hiện, chị A và anh B có 02 con chung là Nguyễn Công H, sinh ngày 28/9/2016 và Nguyễn Như Q, sinh ngày 17/8/2018. Xét đề nghị nuôi con chung của anh B và chị A, Hội đồng xét xử thấy cháu Q còn nhỏ tuổi lại là con gái nên cần có sự chăm sóc của người mẹ để ngoài việc đảm bảo phát triển về thể chất còn đảm bảo phát triển về tâm sinh lý của bé gái khi đến tuổi dậy thì. Mặt khác, chị A và anh B đều phải có trách nhiệm chia sẻ, gánh vác với nhau về việc nuôi con chung. Do vậy việc giao cho anh B và chị A mỗi người nuôi 01 con chung là hợp tình hợp lý, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi 01 con chung của chị A, không chấp nhận yêu cầu nuôi 02 con chung của anh B.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu nên không xét.

[4] Về tài sản chung và khoản nợ chung: Không có nên không xét

[5] Về án phí: Chị A chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 1, Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 56; Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đàm Thị A về việc ly hôn và nuôi con chung

Xử: Cho chị Đàm Thị A được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

Giao con chung là Nguyễn Như Q, sinh ngày 17/8/2018 cho chị Đàm Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung là Nguyễn Công H, sinh ngày 28/9/2016 cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị A và anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không trực tiếp nuôi dưỡng mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007512 ngày 13/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh QN, TP MC;
- Chi cục THA Dân sự;
- UBND nơi DS ĐKKH
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Thu Nga

